

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2017

V/v: “**Xin ly hôn**”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Triệu Thị Hằng.

Bà Nguyễn Thị Xuân Uyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Lan Anh – **Thư ký** Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trần Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 211/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2017 về việc: “**Xin ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc P, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Số 85, thôn K, xã B, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Bà Phạm Tô Phi P, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Số 85, thôn K, xã B, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Ông P có mặt, bà P vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/5/2017, bản tự khai, lời khai tại phiên hòa giải và lời khai tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Phạm Tô Phi P kết hôn năm 2009, đăng

ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại thôn K, xã B, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông yêu cầu xin ly hôn với bà Phạm Tô Phi P.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Nguyên K, sinh ngày 09/4/2011. Khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi con chung cho đến khi thành niên, không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, lời khai tại phiên hòa giải ngày 24/8/2017, bị đơn bà Phạm Tô Phi P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Ngọc P kết hôn năm 2009, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân tự nguyện. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nhưng bà xác định mâu thuẫn vợ chồng không trầm trọng. Nay ông P yêu cầu xin ly hôn, bà xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, bà không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc P.

Về con chung: Vợ chồng ông có 01 con chung tên Nguyễn Nguyên K, sinh ngày 09/4/2011. Khi ly hôn bà yêu cầu giao con chung cho ông P nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Ngọc P vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Bà Phạm Tô Phi P vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến đề nghị: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông P đối với bà P. Về con chung: Giao ông P trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Nguyên K, sinh ngày 09/4/2011 cho đến ngày con chung thành niên. Bà P không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Ông P phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Vợ chồng ông P, bà P kết hôn năm 2009, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên ông P làm đơn xin ly hôn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là vụ án “Xin ly hôn” giữa nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc P và bị đơn bà Phạm Tô Phi P. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Ngọc P: Ông P và bà P kết hôn năm 2009, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Ông P xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông xin ly hôn với bà Phạm Tô Phi P.

Bị đơn bà Phạm Tô Phi P thừa nhận: Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng việc vợ chồng mâu thuẫn không đến mức trầm trọng. Bà xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên bà không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa hôm nay, bà P vắng mặt không lý do. Như vậy bà P tự khước từ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do vậy căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử vắng mặt bà Phạm Tô Phi P.

Hội đồng xét xử xác định: Trong quá trình chung sống vợ chồng ông P, bà P phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Qua xác minh được biết, hiện tại ông P, bà P không còn chung sống với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông P, bà P đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, do vậy cần chấp nhận yêu cầu của ông P về việc xin ly hôn với bà P là phù hợp thực tế và quy định của pháp luật.

[3]. Xét về yêu cầu nuôi con chung: Vợ chồng ông P, bà P có 01 con chung: Nguyễn Nguyên K, sinh ngày 09/4/2011. Hiện tại con chung đang sống với ông P. Khi ly hôn ông P yêu cầu được nuôi con chung cho đến khi thành niên, không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con. Bà P yêu cầu giao con chung cho ông P nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông P và bà P đều thỏa thuận giao con chung cho ông P nuôi dưỡng, bà P không cấp dưỡng nuôi con. Từ yêu cầu của ông P và bà P, Hội đồng xét xử xác định cần giao con chung cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên, bà P không cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Do ông P và bà P thống nhất không có tài sản chung và nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5]. Về án phí: Ông P là nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, **227, 228** Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 71 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Ngọc P. Cho ông Nguyễn Ngọc P và bà Phạm Tô Phi P được ly hôn.

2. Về con chung: Giao ông Nguyễn Ngọc P **trực tiếp** nuôi con chung tên Nguyễn Nguyên K, sinh ngày 09/4/2011 cho đến ngày con chung thành niên. Bà Phạm Tô Phi P không cấp dưỡng nuôi con.

Việc thăm nom, chăm sóc con và quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng được thực hiện theo Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc P phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: AA/2015/0006541 ngày 24 tháng 5 năm 2017 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Ông Nguyễn Ngọc P đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo. Riêng bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết công khai bản án để xin Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- **UBND xã B;**
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Ngô Anh Tuấn